

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2020/DS-PT.**

Ngày: 18/12/2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Hữu Việt

Các Thẩm phán: Ông Lê Tuấn Tú

Ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hồng Phong – Thư ký TAND tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Dương Thành Vinh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2020/TLDS-PT ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 16 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

2. Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vi Thị B, địa chỉ: Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

- Anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn D; Địa chỉ: Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn Ng (Có mặt) và chị Nguyễn Thị X; Cùng địa chỉ: Thôn BV, xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

- Chị Nguyễn Thị Th, địa chỉ: Thôn NV, xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trình bày tại phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Từ năm 2006 trở về trước, khu rừng Khuổi Tát Nục mà sau này cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho nhân dân (đang tranh chấp) là rừng Đặc dụng do Nhà nước quản lý. Năm 2007, Nhà nước quy hoạch, xác định khu rừng này là rừng sản xuất. Đầu năm 2008 Nhà nước triển khai việc giao đất, cấp GCNQSDĐ cho nhân dân. Khi đó ông là trưởng thôn, cán bộ dự án (Dự án gì ông không nhớ) về họp thôn tại nhà văn hóa thôn, ai có nhu cầu thì đăng ký, viết, ký các giấy tờ theo mẫu. Các gia đình đăng ký có ông, Ông H và nhiều gia đình khác. Ông H và Ông P là người đăng ký, nhận sau. Ông được cán bộ đưa đến gần vị trí đất được giao - thửa số 358 để giao đất. Đi giao thì không đến tận nơi nhưng đến vị trí có thể nhìn thấy đất, nhìn thấy khe đông là ranh giới với thửa đất bên cạnh; sau này xác định là thửa đất số 362. Trong thôn thì ông có đi theo đoàn cán bộ để đi giao đất cho một số hộ dân. Đối với hộ Ông H và hộ Ông P thì nhận đất sau cùng vì ở vị trí đó xa, giáp với đất xã T.N nên ông không đi giao. Đến cuối năm 2008 thì Ủy ban nhân dân huyện NH có quyết định giao đất và cấp GCNQSDĐ. Ông được cấp giấy chứng nhận (GCN) thửa đất số 358 tờ bản đồ số 01 (Số GCN AL 292138), còn Ông H được cấp thửa đất số 362, hai thửa ở cạnh nhau tại khu Khuổi Tát Nục. Đất của ông được giao, được cấp GCNQSDĐ giáp đất Ông H là khe, giáp ao ông M, giáp suối Khuổi Tát Nục và giáp đất xã T.N là đông.

Năm 2012, Ông H đã trồng cây mỡ vào đất nhà ông. Ông đã có đơn đề nghị thôn giải quyết từ năm 2017. Tháng 4/2017 thôn hòa giải gia đình Ông H có bà L tham gia. Tại buổi làm việc bà L nhất trí trả nhưng sau đó đến tối bà L lại nói với cán bộ thôn là không trả. Ông nghĩ vì là họ hàng, diện tích đất ít chỉ khoảng hơn 1.000m² nên ông không đề nghị xã giải quyết. Năm 2019, gia đình Ông H lại tiếp tục phát trồng cây mỡ trên đất của ông ở khu vực phía trên (Cao hơn). Anh Ng con Ông H cũng trồng trên một phần đất của ông. Ông đề nghị xã giải quyết tháng 4/2019, cán bộ kiểm lâm và cán bộ Địa chính xã đi xác minh thực địa và xác định đất là của ông. Đến tháng 11/2019, xã Hòa giải thì anh Ng nhất trí trả phần đất anh Ng đã trồng cây cho ông, còn gia đình Ông H không trả. Sau đó Ông H không trả cho ông phần đất anh Ng lấn của ông và cho rằng phần anh Ng trồng là Ông H cho con (Ng) mượn đất để trồng cây.

Ông H khai phá, sử dụng từ năm 2003 là không đúng; khai là thỏa thuận với ông về ranh giới là không đúng.

Các biên bản mà Tòa án xác minh là đúng. Tòa án đã tiến hành xem xét. Thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Kết quả đo vẽ thể hiện Ông H đang lấn, trồng cây trên đất nhà ông được cấp GCN là 14.830,7m². Do trước đây ông không xác định được chính xác diện tích nên ông chỉ yêu cầu đòi lại khoảng 7.700m². Nay đã có kết quả cụ thể nên ông đề nghị hộ Ông H trả cho ông diện

tích đất là 14.830,7m². Đối với các tài sản trên đất gồm: Cây mỡ trồng năm 2017, năm 2019 và năm 2020 thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định cho phù hợp. Các cây xoan, cây mỡ trồng từ năm 2012, các cây trồng ngăn ngày và công trình phụ gồm: 02 chuồng lợn, 01 lán trên diện tích đất đang có tranh chấp thì ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm tự thu hoạch, di dời khỏi diện tích đất trên khi có Quyết định, Bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Ông yêu cầu Ông H trả tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 13.813.000đ. Ông nhận tất cả các quyền, nghĩa vụ của vụ án thay cho vợ, con ông.

Theo bản tự khai, lời trình bày trong phiên hòa giải và tranh tụng tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H trình bày: Khu rừng đang tranh chấp ông đã khai phá, sử dụng từ năm 2003. Khi đó là rừng của Nhà nước. Vợ chồng ông trồng Ngô, Sắn trên diện tích khoảng 3, 4 sào (Mỗi sào là 360m²), vợ chồng ông sử dụng liên tục đến nay. Khoảng năm 2008, 2009 thì diện tích gia đình ông trồng khoảng 4.000m². Khi ông khai phá sử dụng, ngoài người trong gia đình thì không có ai biết. Ông đã đào hào ở hai bên từ dưới lên từ năm 2003. Đào bằng tay, hào sâu khoảng 1,5m, rộng khoảng 1,5m. Đào hào nhằm mục đích để trâu không vào phá, ăn hoa màu. Hiện nay hào có chỗ sạt lở nhưng vẫn nhận biết được là hào. Hào một bên bây giờ giáp nhà ông K phía dưới bắt đầu từ phía mép ao ông M (Phía nhà ông K) đi lên khoảng 70 m. Sau đó đào hào tiếp tục cạnh khe đi lên đến đỉnh núi. Đầu năm 2008, ông được cán bộ mời họp thôn để Nhà nước triển khai việc giao đất. Ông có được ký một số giấy tờ, trong đó có ký giáp ranh đất với ông K. Đến cuối năm 2008, ông được mời ra UBND xã nhận GCNQSDĐ. Sau khi được cấp GCNQSDĐ thì ông K đã đến nhà ông thống nhất ranh giới với nhau là một đường thẳng, chỉ thống nhất với nhau trên thông qua nhìn vào GCNQSDĐ chứ không đi ra thực địa. Điểm đầu của đoạn thẳng phía dưới giáp suối không trùng với điểm đầu của hào của ông đã đào mà cách điểm đầu của hào khoảng 10m về phía đất ông K. Việc thống nhất này là khi con ông là Nguyễn Văn T trồng cây xoan trên đất gần phía ranh giới giữa hai nhà, ông K nói đã trồng vào đất của ông. Do đó hai bên đã thống nhất ranh giới. Sau đó con ông trồng tiếp cây xoan về phía bên đất nhà ông, những cây xoan đã trồng trước phía bên đất nhà ông K (Sau khi thống nhất ranh giới) thì con ông đánh về trồng sang phía bên đất nhà ông, hai bên thống nhất từ đó. Thống nhất bằng lời nói, không lập thành văn bản, không có ai chứng kiến. Sau khi thống nhất xong thì không ai trồng cây gì hay làm công trình gì làm ranh giới.

Năm 2012 ông trồng cây mỡ ở phía dưới gần đất của ông K, gần ao của ông M. Năm 2017 ông trồng cây mỡ ở phía trên lưng chừng núi về phía đất nhà ông (Theo ranh giới đã thống nhất từ trước), con trai ông là Nguyễn Văn Ng (Đã ở riêng từ năm 2014) trồng cây mỡ cùng năm 2017 phía trên đỉnh núi (Giáp với xã T.N và giáp đất ông K). Tiếp theo các năm 2019 và 2020 ông tiếp tục trồng cây mỡ trên phần đất phía gần trên đỉnh. Trồng xen với cây Mỡ là ông trồng Ngô, Sắn. Cây Ngô khi thẩm định đã thu hoạch. Cây Sắn thì chuẩn bị thu hoạch trong tháng 10/2020.

Ông không nhất trí trả vì đây là đất của ông đã sử dụng liên tục từ lâu và đã thống nhất ranh giới. Ông không nhất trí lời khai ông Q (Nguyên trưởng thôn). Từ năm 2003 ông canh tác thì không thấy ao ông M thả cá - không biết ông M là chủ ao. Ông và vợ ông nhận tất cả các quyền, nghĩa vụ của vụ án phần của vợ chồng ông và nhận thay cho các con ông

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà nhất trí các ý kiến của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị B, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Th là vợ và các con của ông K cùng trình bày tại bản tự khai là đất đang tranh chấp là đất được Nhà nước giao và cấp GCNQSDĐ, gia đình ông K không thỏa thuận gì về ranh giới với gia đình ông H. Bà B, anh Đ và chị Th nhất trí ý kiến ông K và ủy quyền toàn bộ cho ông K, đề nghị Tòa án buộc gia đình Ông H trả lại đất lấn chiếm cho ông K.

Anh Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn T cùng trình bày ý kiến như Ông H trình bày. Các anh xác định tài sản trên đất là thuộc sở hữu của bố mẹ anh. Các anh không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông K.

Anh Nguyễn Văn Ng và chị Nguyễn Thị X trình bày: năm 2017 anh chị có trồng một số cây mỡ cùng với bố mẹ trên khu vực ông K đang kiện đòi, anh chị xác định anh chị trồng hộ bố, mẹ. Các cây anh, chị trồng là thuộc quyền sở hữu của bố, mẹ anh.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện NH đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nên hòa giải không thành. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 16 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Tuyên Quang đã tuyên xử: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 157, 165, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đòi đất do ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn D, Anh Nguyễn Văn Ng, anh Nguyễn Văn T lấn chiếm tại vị trí đất thuộc một phần thửa đất số 358, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 672), khu Khuổi Tát Nục, Thôn NT (Thôn 3 cũ), xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn Ng và anh Nguyễn Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn K, bà Vi Thị B, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Th 14.830,7m² đất thuộc một phần thửa đất số 358, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 672), khu Khuổi Tát Nục, Thôn NT (Thôn 3 cũ), xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang. Đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 11a, 12, XVII, XVI, 16, 17, 19, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 1 của sơ đồ kèm theo bản án.

3. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải thu hoạch: Cây Xoan: 12 cây có đường kính thân cây trên 20cm, 19 cây có đường kính thân cây từ 10cm đến dưới 20cm; 14 cây có đường kính thân cây dưới 10cm; Cây Mỡ: 210 cây trồng năm 2012 có đường kính thân cây từ 10cm đến dưới 20cm; 01 lán (nhà tạm); 02 chuồng lợn trên một phần diện tích đất 14.830,7m² phải trả tại mục 2 của Quyết định kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L giá trị cây mỡ trồng năm 2017, năm 2019 và năm 2020 trên diện tích đất thuộc 14.830,7 m² đất thuộc một phần thửa đất số 358, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 672) là 15.846.000đ. Ông Nguyễn Văn K được quyền sở hữu cây mỡ do ông họ Ông H trồng năm 2017 (1.133 cây), năm 2019 (708 cây) và năm 2020 (44 cây) trên diện tích đất ông H, bà L phải trả.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn K tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 13.813.000đ.

Đối trừ nghĩa vụ ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H 1.016.500 đ (Một triệu không trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng); trả cho bà Nguyễn Thị L 1.016.500 đ (Một triệu không trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn K được miễn án phí.

Ngày 28/9/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo và bổ sung kháng cáo ngày 23/10/2020 với nội dung: Phần đất đang tranh chấp đã được ông K thỏa thuận điều chỉnh ranh giới để gia đình sử dụng từ năm 2003, tuy không làm thủ tục giấy tờ, thay đổi diện tích nhưng cả 2 bên đã sử dụng liên tục từ đó đến nay không tranh chấp, nên không nhất trí trả lại cho ông K như án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm thẩm tra, xem xét và bác yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Nhất trí với quyết định của án sơ thẩm, không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn

Ý kiến phát biểu quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá về chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với thực tế, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn H nộp đơn kháng cáo 28/9/2020 và bổ sung kháng cáo ngày 23/10/2020 với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, phần bổ sung kháng cáo không vượt quá nội dung đơn kháng cáo. Xét nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H được công nhận là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn H không bổ sung, sửa đổi, thay thế hoặc rút kháng cáo, nên Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo với toàn bộ vụ án.

[2]. Về nội dung: Tại giai đoạn sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H khai khu rừng đang tranh chấp ông đã khai phá, sử dụng từ năm 2003, khi đó là rừng của Nhà nước. Vợ chồng ông trồng Ngô, Sắn trên diện tích khoảng 3, 4 sào (Mỗi sào là 360m²), vợ chồng ông sử dụng liên tục đến nay thì diện tích gia đình ông trồng khoảng 4.000m². Kết quả điều tra của tòa án sơ thẩm cũng như tài liệu Ông H cung cấp không thể hiện Ông H đã có đăng ký sử dụng đất theo thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1987 và việc khai phá đất rừng phòng hộ của Nhà nước, tuy Ông H không bị phát hiện, xử lý, nhưng việc Ông H khai đã sử dụng như trên là không hợp pháp và không có căn cứ, nên không được công nhận gia đình Ông H đã có quyền sử dụng đất trước thời điểm cả hai bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008.

Ông H cũng thừa nhận đầu năm 2008, ông được cán bộ mời họp thôn để Nhà nước triển khai việc giao đất, ông có được ký một số giấy tờ, trong đó có ký giáp ranh đất với ông K. Đến cuối năm 2008, ông được mời ra UBND xã nhận GCNQSDĐ, thể hiện Ông H công nhận gia đình ông và gia đình ông K đã được cấp có thẩm quyền xem xét cấp quyền sử dụng đất và cụ thể tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai gia đình được Hội đồng thẩm định sử dụng để xác định ranh giới, diện tích như mô tả trong án sơ thẩm.

Về nội dung Ông H trình bày: Sau khi được cấp GCNQSDĐ thì ông K đã đến nhà ông thống nhất ranh giới với nhau là một đường thẳng, chỉ thống nhất

với nhau trên thông qua nhìn vào GCNQSDĐ chứ không đi ra thực địa và không làm giấy tờ, thủ tục. Về nội dung này ông K không thừa nhận có sự việc hai gia đình đã thỏa thuận chia lại ranh giới giữa 02 thửa đất như Ông H nêu; mặt khác, việc chuyển đổi cho nhau về diện tích, điều chỉnh ranh giới đất sau khi đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bắt buộc phải thực hiện thủ tục theo quy định của luật đất đai và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện, nên việc Ông H khai đã thỏa thuận chia lại ranh giới là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật nên không được công nhận.

Sau khi khởi kiện, Tòa án sơ thẩm đã tổ chức thẩm định xác định diện tích bị chồng lấn trên cơ sở đối chiếu giữa sơ đồ đo vẽ thực địa với sơ đồ trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K, xác định ông K khởi kiện với diện tích nhỏ hơn. Nội dung kết quả thẩm định nêu trên chứng minh ông K và Ông H chưa đo vẽ, điều chỉnh trên thực địa và xin làm thủ tục điều chỉnh địa giới trước khi khởi kiện và thể hiện sự khách quan trong việc xác định diện tích, ranh giới của phần diện tích đất có tranh chấp.

Xét thấy nội dung kháng cáo, các nội dung nêu ra làm căn cứ kháng cáo của Ông H như nêu trên là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật. Kết quả thẩm định xác định ranh giới, xác định diện tích của tòa án sơ thẩm thực hiện là khách quan, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, cần giữ nguyên nội dung quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo tại Bản án số 03/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Tuyên Quang.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Ông H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H thuộc diện được miễn án phí. Vì vậy, Ông H được miễn án phí phúc thẩm.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải chịu các khoản chi phí này như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đòi đất do ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn D, Anh Nguyễn Văn Ng, anh Nguyễn Văn T lấn chiếm tại vị trí đất thuộc một phần thửa đất số 358, tờ bản đồ

số 01 (bản đồ 672), khu Khuổi Tát Nục, Thôn NT (Thôn 3 cũ), xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn Ng và anh Nguyễn Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn K, bà Vi Thị B, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Th sử dụng 14.830,7m² đất thuộc một phần thửa đất số 358, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 672), khu Khuổi Tát Nục, Thôn NT (Thôn 3 cũ), xã CL, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang, được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 11a, 12, XVII, XVI, 16, 17, 19, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 1 được xác định tại sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm.

2. Về tài sản trên đất: Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải thu hoạch: Cây Xoan: 12 cây có đường kính thân cây trên 20 cm, 19 cây có đường kính thân cây từ 10 cm đến dưới 20 cm; 14 cây có đường kính thân cây dưới 10 cm; Cây Mỡ: 210 cây trồng năm 2012 có đường kính thân cây từ 10 cm đến dưới 20 cm; 01 lán (nhà tạm); 02 chuồng lợn trên một phần diện tích đất 14.830,7m² phải trả tại mục 1 tại phần Quyết định của bản án này kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L giá trị cây Mỡ trồng năm 2017, năm 2019 và năm 2020 trên diện tích đất thuộc 14.830,7m² đất thuộc một phần thửa đất số 358, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 672) là 15.846.000đ (Mười năm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn K được quyền sở hữu cây Mỡ do ông hộ Ông H trồng năm 2017 (1.133 cây), năm 2019 (708 cây) và năm 2020 (44 cây) trên diện tích đất ông H, bà L phải trả.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn K tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 13.813.000đ (Mười ba triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).

Đôi trừ nghĩa vụ ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H 1.016.500 đ (Một triệu không trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng); trả cho bà Nguyễn Thị L 1.016.500 đ (Một triệu không trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn K được miễn án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/12/2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện NH;
- CCTHA DS h. NH;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu HS vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Việt